

SỞ CÔNG THƯƠNG  
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN  
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 06 tháng 10 năm 2020

Số: 13/HĐPHPBGDPL

V/v phổ biến các văn bản  
quy phạm pháp luật mới

Kính gửi: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở.

Thực hiện Công văn số 783/HĐ-TGV ngày 29/9/2020 của Hội đồng Phối hợp phổ biến giáo dục tỉnh về việc hướng dẫn công tác phổ biến, giáo dục pháp luật quý IV/2020; Hội đồng Phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật Sở Công Thương đề nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động Cơ quan văn phòng Sở, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại chủ động truy cập các văn bản quy phạm pháp luật nêu tại Phụ lục I, II nghiên cứu, triển khai thực hiện và phổ biến đến các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao (*nội dung chi tiết tại Phụ lục I, II đính kèm*).

Hội đồng Phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật Sở đề nghị các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐ PHGDPL tỉnh (gửi Sở Tư pháp);
- Thành viên HĐPHPBGDPL Sở;
- Các phòng, bộ phận, tổ chức, đoàn thể thuộc Sở;
- Lưu: HĐ, T.Tra<sub>4</sub>.

**TM. HỘI ĐỒNG  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Dương Thanh Hòa  
Phó Giám đốc Sở**

## Phụ lục I

### CÁC QUY ĐỊNH LIÊN QUAN TRỰC TIẾP ĐẾN CBCCVC

(Kèm theo Công văn số 13/HĐPBGDPL ngày 06/10/2020 của Sở Công Thương)

**1. Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020** của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, có hiệu lực thi hành từ ngày 20/8/2020, đã quy định chi tiết những tiêu chí đánh giá, xếp loại đối với cán bộ, công chức, viên chức, cụ thể như sau:

1.1. Thời điểm đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức: Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 90/2020 quy định thời điểm đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) được tiến hành trước ngày 15/12 hàng năm, trước khi thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên và tổng kết công tác bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị (hiện hành quy định thời điểm đánh giá, phân loại CBCCVC được tiến hành trong tháng 12 hàng năm, trước khi thực hiện việc bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm). Đối với đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và một số lĩnh vực khác có thời điểm kết thúc năm công tác trước tháng 12 hàng năm thì người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thời điểm đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức.

1.2. Không đánh giá chất lượng CBCCVC chưa công tác đủ 6 tháng: Căn cứ khoản 3 Điều 2 thì CBCCVC có thời gian công tác trong năm chưa đủ 06 tháng thì không thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng nhưng vẫn phải kiểm điểm thời gian công tác trong năm, trừ trường hợp nghỉ chế độ thai sản. CBCCVC nghỉ không tham gia công tác theo quy định của pháp luật trong năm từ 03 tháng đến dưới 06 tháng thì vẫn thực hiện đánh giá nhưng không xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

1.3. Hướng dẫn xếp loại hàng năm với cán bộ, công chức nghỉ thai sản: Tại khoản 3 Điều 2 quy định: “CBCCVC nghỉ chế độ thai sản theo quy định của pháp luật thì kết quả xếp loại chất lượng trong năm là kết quả xếp loại chất lượng của thời gian làm việc thực tế của năm đó”. Khi đó, CBCCVC có trách nhiệm làm báo cáo tự đánh giá, nhận mức xếp loại kết quả công tác theo chức trách, nhiệm vụ được giao, gửi cơ quan, tổ chức, đơn vị đang công tác để thực hiện việc đánh giá, xếp loại chất lượng theo quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP.

1.4. Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC được sử dụng làm cơ sở để liên thông trong đánh giá, xếp loại chất lượng đảng viên. Tại Điều 21, Nghị định số 90/2020/NĐ-CP quy định: “Kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC là căn cứ để bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, nâng ngạch hoặc thăng hạng chức danh nghề nghiệp, quy hoạch, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, biệt phái, khen thưởng, kỷ luật, đánh giá và xếp loại chất lượng đảng viên và thực hiện các chính sách khác đối với CBCCVC”.

1.5. Việc đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC sẽ được thực hiện theo bộ tiêu chí mới. Tiêu chí chung về đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC bao

gồm: chính trị, tư tưởng; đạo đức, lối sống; tác phong, lề lối làm việc; ý thức tổ chức kỷ luật; kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao. Trong đó nổi bật là việc bỏ các tiêu chí liên quan đến sáng kiến, giải pháp, công trình khoa học,... khi đánh giá, xếp loại CBCCVC ở mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cụ thể như sau:

- Đối với cán bộ: Không yêu cầu phải "Có sáng kiến, giải pháp cụ thể được áp dụng, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động của các cơ quan, tổ chức hoặc của ngành, lĩnh vực được giao phụ trách và được cấp có thẩm quyền công nhận".

- Đối với công chức: Không yêu cầu tiêu chí phải "Có ít nhất 01 công trình khoa học, đề án, đề tài hoặc sáng kiến được áp dụng có hiệu quả trong hoạt động công vụ của cơ quan, tổ chức, đơn vị được cấp có thẩm quyền công nhận".

- Đối với viên chức: Không yêu cầu tiêu chí phải "Có ít nhất 01 công trình khoa học, đề án, đề tài hoặc sáng kiến được áp dụng và mang lại hiệu quả trong việc thực hiện công tác chuyên môn, nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền công nhận". Nghị định số 90/2020/NĐ-CP đã bãi bỏ quy định tại Nghị định số 56/2015/NĐ-CP về trường hợp cán bộ, công chức, viên chức không hoàn thành nhiệm vụ do yếu tố khách quan, bất khả kháng thì được xem xét trong quá trình đánh giá, phân loại.

#### 1.6. Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC

Trình tự, thủ tục đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC được quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 của Nghị định theo các bước sau: Bước 1: CBCCVC tự đánh giá, xếp loại chất lượng; Bước 2: Nhận xét, đánh giá CBCCVC; Bước 3: Lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cấp ủy đảng cùng cấp nơi cán bộ, công chức, viên chức là người đứng đầu và cấp phó công tác; Bước 4: Xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC; Bước 5: Cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC theo quy định. Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý: thì không có bước lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cấp ủy đảng cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi viên chức không giữ chức vụ quản lý công tác.

#### 1.7. Chế độ thông báo kết quả đánh giá CBCCVC:

- Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ: Cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ thông báo bằng văn bản cho cán bộ và thông báo công khai về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ công tác; quyết định hình thức công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi cán bộ công tác, trong đó ưu tiên áp dụng hình thức công khai trên môi trường điện tử.

- Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng công chức:

- + Đối với công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị: Cấp có thẩm quyền đánh giá công chức thông báo bằng văn bản cho công chức và thông báo công khai về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng; quyết định hình thức

công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công chức công tác, trong đó ưu tiên áp dụng hình thức công khai trên môi trường điện tử.

+ Đối với cấp phó của người đứng đầu và công chức thuộc quyền quản lý của người đứng đầu: Cấp có thẩm quyền đánh giá thông báo bằng văn bản cho công chức và thông báo công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công chức công tác về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng; quyết định hình thức công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công chức công tác, trong đó ưu tiên áp dụng hình thức công khai trên môi trường điện tử.

- Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức:

+ Đối với viên chức là người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu: Cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức thông báo bằng văn bản cho viên chức về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng; quyết định hình thức công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi viên chức công tác, trong đó ưu tiên áp dụng hình thức công khai trên môi trường điện tử.

+ Đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý: Cấp có thẩm quyền đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức thông báo bằng văn bản cho viên chức và thông báo công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi viên chức công tác về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức; quyết định hình thức công khai trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi viên chức công tác, trong đó ưu tiên áp dụng hình thức công khai trên môi trường điện tử (hiện hành quy định kết quả đánh giá, phân loại CBCCVC phải được thông báo bằng văn bản cho cán bộ, công chức, viên chức sau 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận của người hoặc cấp có thẩm quyền đánh giá).

1.8. Lưu giữ tài liệu đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, so với nghị định số 56/2015/NĐ-CP, Nghị định số 90/2020/NĐ-CP đã quy định chi tiết về việc lưu kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC. Cụ thể kết quả đánh giá, xếp loại CBCCVC được thể hiện bằng văn bản, lưu vào hồ sơ CBCCVC, bao gồm: Biên bản cuộc họp nhận xét, đánh giá; phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC; nhận xét của cấp ủy nơi công tác (nếu có); kết luận và thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC của cấp có thẩm quyền; hồ sơ giải quyết kiến nghị về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC (nếu có); các văn bản khác liên quan (nếu có).

**2. Nghị định số 104/2020/NĐ-CP ngày 04/09/2020** sửa đổi, bổ sung Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29/5/2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức; theo đó, bổ sung thêm 01 trường hợp cán bộ, công chức được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn là cán bộ, công chức nữ giữ chức vụ, chức danh Ủy viên Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy là người dân tộc thiểu số. Đồng thời, bỏ trường hợp Phó Trưởng Ban Chỉ đạo: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ được nghỉ hưu ở tuổi cao hơn (do các Ban chỉ đạo (Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ) đã kết thúc hoạt động từ cuối năm 2017).

**3. Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020** về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; theo Nghị định này, có

02 căn cứ xác định vị trí việc làm và 03 căn cứ xác định số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập. Cụ thể:

**Căn cứ xác định vị trí việc làm, gồm:**

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Mức độ phức tạp, tính chất, đặc điểm, quy mô hoạt động; phạm vi, đối tượng phục vụ; quy trình quản lý chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

**Căn cứ xác định số người làm việc, gồm:**

- Vị trí việc làm và khối lượng công việc thực tế tại từng vị trí việc làm của đơn vị sự nghiệp công lập;

- Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin;

- Thực trạng quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao của đơn vị.

Nghị định cũng quy định, chậm nhất đến hết ngày 30/6/2021, Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực phải ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và hỗ trợ, phục vụ của đơn vị sự nghiệp công lập. Chậm nhất sau 03 tháng kể từ ngày Bộ trưởng Bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành văn bản hướng dẫn, các bộ, ngành, địa phương phải phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.

**4. Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020** sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Theo đó, Nghị định 107/2020/NĐ-CP quy định một số điểm mới về cơ quan chuyên môn cấp tỉnh như sau:

4.1. Về cơ cấu tổ chức của Sở: Nghị định 24/2014/NĐ-CP quy định phòng cứng gồm Văn phòng, Thanh tra và phòng chuyên môn, nghiệp vụ, còn Nghị định 107/2020/NĐ-CP chỉ quy định phòng cứng là Phòng chuyên môn, nghiệp vụ; còn đối với Thanh tra, Văn phòng, Chi cục và đơn vị sự nghiệp thì quy định “nếu có”. Nghị định 107/2020/NĐ-CP đã bổ sung quy định về tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, Văn phòng, chi cục, đơn vị sự nghiệp như sau:

- Tiêu chí thành lập phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở:

+ Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở;

+ Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 07 biên chế công chức đối với phòng thuộc sở của thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; tối thiểu 06 biên chế công chức đối với phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại I; tối thiểu 05 biên chế công chức đối với phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại II và loại III.

- Tiêu chí thành lập Văn phòng thuộc sở khi: Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 07 biên chế công chức đối với phòng thuộc sở của thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; tối thiểu 06 biên chế công chức đối với phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại I; tối thiểu 05 biên chế công chức đối với phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại II và loại III. Trường hợp không thành lập Văn phòng thuộc sở thì giao một phòng chuyên môn thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng.

- Tiêu chí thành lập chi cục và các tổ chức tương đương thuộc sở:

+ Có đối tượng quản lý về chuyên ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của sở theo quy định của pháp luật chuyên ngành;

+ Được phân cấp, ủy quyền để quyết định các vấn đề thuộc phạm vi quản lý nhà nước về chuyên ngành, lĩnh vực;

+ Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 12 biên chế công chức.

- Tiêu chí thành lập phòng và tương đương thuộc chi cục thuộc sở

+ Có chức năng, nhiệm vụ tham mưu về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của chi cục hoặc tham mưu về công tác quản trị nội bộ của chi cục;

+ Khối lượng công việc yêu cầu phải bố trí tối thiểu 05 biên chế công chức.

#### 4.2. Về người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu sở

- Nghị định 107/2020/NĐ-CP bổ sung quy định Người đứng đầu sở thuộc UBND cấp tỉnh là ủy viên UBND cấp tỉnh do HĐND cấp tỉnh bầu.

- Bổ sung quy định Cấp phó của người đứng đầu sở thuộc UBND cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Phó Giám đốc sở) do Chủ tịch UBND cấp tỉnh bổ nhiệm theo đề nghị của Giám đốc sở, giúp Giám đốc sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ cụ thể do Giám đốc sở phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc sở và trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc sở vắng mặt, một Phó Giám đốc sở được Giám đốc sở ủy nhiệm thay Giám đốc sở điều hành các hoạt động của sở. Phó Giám đốc sở không kiêm nhiệm người đứng đầu tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc sở, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Bổ sung quy định số lượng phó giám đốc, cụ thể: Bình quân mỗi sở có 03 Phó Giám đốc. Căn cứ số lượng sở được thành lập và tổng số lượng Phó Giám đốc, UBND cấp tỉnh quyết định cụ thể số lượng Phó Giám đốc của từng sở cho phù hợp. Riêng thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài tổng số lượng Phó Giám đốc theo quy định tính bình quân chung thì mỗi thành phố được tăng thêm không quá 10 Phó Giám đốc. Như vậy, theo Nghị định 107/2020/NĐ-

CP thì có Sở có thể bố trí 01 Phó Giám đốc, có Sở có thể bố trí hơn 03 Phó Giám đốc sao cho đảm bảo tổng số lượng cấp phó tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh không vượt theo quy định.

- Nghị định 24/2014/NĐ-CP chỉ quy định về việc bổ nhiệm trưởng, phó phòng chuyên môn thuộc Sở, không quy định cụ thể số lượng cấp phó. Nghị định 107/2020/NĐ-CP đã bổ sung quy định về số lượng Phó Trưởng phòng như sau:

+ Phòng thuộc sở của thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có dưới 10 biên chế công chức, phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại I có dưới 09 biên chế công chức và phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại II và loại III có dưới 08 biên chế công chức được bố trí 01 Phó Trưởng phòng;

+ Phòng thuộc sở của thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh có từ 10 đến 14 biên chế công chức, phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại I có từ 09 đến 14 biên chế công chức và phòng thuộc sở của cấp tỉnh loại II và loại III có từ 08 đến 14 biên chế công chức được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng;

+ Phòng thuộc sở có từ 15 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 03 Phó Trưởng phòng.

- Số lượng Phó Chánh Thanh tra sở được quy định cụ thể như sau:

+ Thanh tra sở có dưới 08 biên chế công chức được bố trí 01 Phó Chánh Thanh tra;

+ Thanh tra sở có từ 08 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 02 Phó Chánh Thanh tra.

- Số lượng Phó Chánh Văn phòng sở được thực hiện như quy định về phó phòng chuyên môn.

- Số lượng Phó Chi cục trưởng thuộc sở:

+ Chi cục có từ 01 đến 03 phòng và tương đương được bố trí 01 Phó Chi cục trưởng;

+ Chi cục không có phòng hoặc có từ 04 phòng và tương đương trở lên được bố trí không quá 02 Phó Chi cục trưởng.

- Số lượng Phó Trưởng phòng thuộc chi cục thuộc sở:

+ Phòng có dưới 07 biên chế công chức được bố trí 01 Phó Trưởng phòng;

+ Phòng có từ 07 biên chế công chức trở lên được bố trí không quá 02 Phó Trưởng phòng.

#### 4.3. Sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của một số Sở

- Sở Nội vụ: Bổ sung nhiệm vụ tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; tín ngưỡng.

- Sở Tư pháp: Bổ chức năng kiểm soát thủ tục hành chính (chức năng này đã được chuyển về Văn phòng UBND tỉnh)

- Sở Công thương

+ Bổ quy định về tham mưu UBND tỉnh trong quản lý vật liệu xây dựng, cụ thể: Tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công nghiệp khai thác mỏ và chế biến khoáng sản (trừ vật liệu xây dựng).

+ Bổ sung chức năng tham mưu quản lý nhà nước về: công nghiệp hỗ trợ, tiểu thủ công nghiệp; khuyến công; dịch vụ thương mại; quản lý cạnh tranh; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Bổ quy định về quản lý an toàn thực phẩm.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Bổ sung quy định về tham mưu UBND tỉnh quản lý chất thải rắn

- Sở Xây dựng: Bổ chức năng tham mưu UBND tỉnh quản lý chất thải rắn thông thường tại đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng. Chức năng này được chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Đối với thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, chức năng tham mưu về quy hoạch xây dựng và kiến trúc do Sở Quy hoạch - Kiến trúc thực hiện.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Đổi chức năng “đạy nghề” thành “giáo dục nghề nghiệp” (trừ các trường sư phạm). Đổi chức năng “an toàn lao động” thành “an toàn, vệ sinh lao động”. Thay cụm từ “bảo vệ và chăm sóc trẻ em” thành “trẻ em” cho phù hợp với quy định của Luật Trẻ em.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Nghị định 107/2020/NĐ-CP bổ sung quy định: “Đối với các địa phương có Sở Du lịch thì chức năng tham mưu, giúp UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước về du lịch do Sở Du lịch thực hiện.”

- Thanh tra tỉnh: Bổ sung chức năng tham mưu UBND tỉnh quản lý nhà nước về tiếp công dân. Trước đây chức năng này thuộc Văn phòng UBND tỉnh.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân:

Bổ sung quy định chức năng về kiểm soát thủ tục hành chính.

Bổ sung quy định: Trường hợp không tổ chức riêng Sở Ngoại vụ, Ban Dân tộc thì chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ngoại vụ, dân tộc do Văn phòng UBND thực hiện.

#### 4.4. Bổ sung nhiệm vụ cho UBND cấp tỉnh

- Quyết định cơ cấu tổ chức, số lượng Phó Giám đốc của sở phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và các tiêu chí quy định tại Nghị định này.

- Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở theo quy định của pháp luật, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng



lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực và Bộ Nội vụ.

- Quyết định phân cấp cho UBND cấp huyện, phân cấp hoặc ủy quyền cho sở và Giám đốc sở thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh theo quy định của pháp luật.

**5. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020** về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức; có hiệu lực thi hành từ ngày 20/9/2020 và bãi bỏ Nghị định 34/2011/NĐ-CP ngày 17/5/2011 về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức. Theo đó, cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức; bị ốm nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện thì chưa xem xét xử lý kỷ luật. Bổ sung các trường hợp bị xử lý kỷ luật buộc thôi việc gồm:

### **5.1. Đối với công chức**

5.1.1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý hoặc hạ bậc lương đối với công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà tái phạm;

5.1.2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Vi phạm quy định về đạo đức, văn hóa giao tiếp của cán bộ, công chức; quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của cán bộ, công chức; kỷ luật lao động; nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện;

+ Không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

+ Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

+ Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

+ Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

+ Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ;

+ Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng, quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi công vụ;

+ Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến cán bộ, công chức.

5.1.3. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị;

5.1.4. Nghiện ma túy; đối với trường hợp này phải có kết luận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền;

5.1.5. Ngoài các trường hợp nêu trên, hình thức kỷ luật buộc thôi việc còn được áp dụng đối với công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Không thực hiện đúng, đầy đủ chức trách, nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công.

+ Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong phạm vi phụ trách mà không có biện pháp ngăn chặn.

## **5.2. Đối với viên chức**

5.2.1. Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức đối với viên chức quản lý hoặc cảnh cáo đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý mà tái phạm;

5.2.2. Có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Không tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp, đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

+ Vi phạm quy định của pháp luật về: thực hiện chức trách, nhiệm vụ của viên chức; kỷ luật lao động; quy định, nội quy, quy chế làm việc của đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền nhắc nhở bằng văn bản;

+ Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với nhân dân trong quá trình thực hiện công việc, nhiệm vụ được giao; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

+ Không chấp hành quyết định phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong đơn vị;

+ Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống tội phạm; phòng, chống tệ nạn xã hội; trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

+ Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

+ Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

+ Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình hoạt động nghề nghiệp;

+ Vi phạm quy định của pháp luật về: phòng, chống bạo lực gia đình; dân số, hôn nhân và gia đình, bình đẳng giới; an sinh xã hội; quy định khác của pháp luật liên quan đến viên chức.

5.2.3. Viên chức quản lý có hành vi vi phạm lần đầu, gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong các trường hợp:

+ Viên chức quản lý không thực hiện đúng trách nhiệm, để viên chức thuộc quyền quản lý vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp.

+ Viên chức quản lý không hoàn thành nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công mà không có lý do chính đáng.

5.2.4. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận gia hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị;

5.3.5. Nghiện ma túy; đối với trường hợp này phải có xác nhận của cơ sở y tế hoặc thông báo của cơ quan có thẩm quyền.

Chưa xem xét xử lý kỷ luật đối với các trường hợp:

– Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép.

– Cán bộ, công chức, viên chức đang trong thời gian điều trị bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức; bị ốm nặng đang điều trị nội trú tại bệnh viện có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

– Cán bộ, công chức, viên chức là nữ giới đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi hoặc cán bộ, công chức, viên chức là nam giới (trong trường hợp vợ chết hoặc vì lý do khách quan, bất khả kháng khác) đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

– Cán bộ, công chức, viên chức đang bị khởi tố, tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật, trừ trường hợp theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Được miễn xử lý kỷ luật nếu:

– Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi có hành vi vi phạm.

– Phải chấp hành quyết định của cấp trên theo quy định tại khoản 5 Điều 9 Luật Cán bộ, công chức.

– Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm trong tình thế cấp thiết, do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định của *Bộ luật Dân sự* khi thi hành công vụ.

– Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật nhưng đã qua đời.

**6. Một số quy định khác (CBCCVC chủ động, cập nhật nghiên cứu)**

- Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, có hiệu lực từ ngày 25/11/2020.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, có hiệu lực từ ngày 29/9/2020.

- Thông tư số 03/2020/TT-BNV ngày 21/07/2020 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, biện pháp bảo vệ vị trí công tác của người tố cáo là cán bộ, công chức, viên chức, có hiệu lực từ ngày 05/9/2020, theo đó, quy định về nội dung bảo vệ, thẩm quyền áp dụng biện pháp bảo vệ, trình tự, thủ tục bảo vệ và biện pháp bảo vệ./.

## **Phụ lục II**

### **MỘT SỐ QUY ĐỊNH MỚI CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG 9, 10/2020**

*(Kèm theo Công văn số 13/HĐPBGDPL ngày 06/10/2020 của Sở Công Thương)*

#### **1. Quy định mới về hồ sơ phát hành trái phiếu của doanh nghiệp**

Nghị định số 81/2020/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 163/2018/NĐ-CP về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Theo đó hồ sơ phát hành trái phiếu bao gồm:

- Phương án phát hành trái phiếu theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP;
- Bản công bố thông tin về đợt phát hành trái phiếu theo Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 163/2018/NĐ-CP;
- Hợp đồng ký kết giữa doanh nghiệp phát hành với các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến đợt phát hành trái phiếu;
- Báo cáo tài chính năm trước liền kề của năm phát hành được kiểm toán;
- Kết quả xếp hạng tín nhiệm của tổ chức xếp hạng tín nhiệm đối với doanh nghiệp phát hành trái phiếu và loại trái phiếu phát hành (nếu có);
- Hợp đồng mua trái phiếu trong đó bao gồm cam kết của nhà đầu tư về việc đã tiếp cận đầy đủ nội dung công bố thông tin trước khi phát hành và hiểu rõ các rủi ro khi mua trái phiếu (hiện hành không yêu cầu).

#### **2. Phạt đến 30 triệu đồng nếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch giả tạo**

Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt VPHC trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; HN&GD; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Theo đó, phạt tiền từ 20 - 30 triệu đồng đối với cá nhân có một trong các hành vi vi phạm quy định về công chứng hợp đồng, giao dịch sau:

- Giả mạo, thuê hoặc nhờ người khác giả mạo người yêu cầu công chứng hoặc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch để công chứng hợp đồng, giao dịch;
- Giả mạo chữ ký của người yêu cầu công chứng;
- Yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch giả tạo;
- Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để công chứng hợp đồng, giao dịch;
- Cản trở hoạt động công chứng. Đồng thời, buộc tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ hồ sơ công chứng thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan về hành vi vi phạm trên (trừ hành vi cản trở hoạt động công chứng).

### **3. Điều kiện hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp cho người bị TNLĐ, BNN**

Nghị định số 88/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật an toàn, vệ sinh lao động về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (TNLĐ, BNN) bắt buộc có hiệu lực từ ngày 15/9/2020.

Theo đó, người sử dụng lao động (NSDLĐ) được hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề để chuyển đổi nghề nghiệp cho NLĐ theo quy định khi NLĐ có đủ các điều kiện:

- Đang tham gia bảo hiểm TNLĐ, BNN theo quy định tại thời điểm bị TNLĐ, BNN (điều kiện mới);
- Suy giảm khả năng lao động do bị TNLĐ, BNN từ 31% trở lên;
- Được NSDLĐ sắp xếp công việc mới thuộc quyền quản lý phù hợp với sức khỏe, nguyện vọng của NLĐ nhưng công việc đó cần phải đào tạo nghề để chuyển đổi.

### **4. Hướng dẫn quy trình đăng ký hộ tịch trực tuyến**

Nghị định số 87/2020/NĐ-CP về cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch (ĐKHT) trực tuyến có hiệu lực từ ngày 15/9/2020.

Theo đó, người có yêu cầu ĐKHT trực tuyến truy cập Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp tỉnh để đăng ký tài khoản, xác thực người dùng theo hướng dẫn. Khi đăng nhập tài khoản thành công, người có yêu cầu cung cấp thông tin theo biểu mẫu điện tử tương tác, đính kèm bản chụp hoặc bản sao điện tử các giấy tờ, tài liệu theo quy định.

Nộp phí, lệ phí thông qua chức năng thanh toán trực tuyến hoặc bằng cách thức khác theo quy định. Sau khi hoàn tất việc nộp hồ sơ, người có yêu cầu được cấp 01 mã số hồ sơ thủ tục hành chính để theo dõi, tra cứu tiến độ giải quyết hoặc truy cập để hoàn thiện hồ sơ khi có yêu cầu của cơ quan ĐKHT...

### **5. 03 hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức**

Nghị định số 80/2020/NĐ-CP về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam có hiệu lực từ ngày 17/9/2020.

Theo đó, các hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam gồm:

- Sử dụng viện trợ để phục vụ mục đích:
  - + Rửa tiền, tài trợ khủng bố, trốn thuế, xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc;
  - + Xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc.
- Sử dụng viện trợ để tìm kiếm lợi nhuận phân chia, tư lợi cá nhân, không vì mục đích nhân đạo, phát triển kinh tế xã hội, không vì lợi ích cộng đồng.

- Các hành vi tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng viện trợ.

### **6. Hình thức gửi báo cáo về Quỹ bình ổn giá xăng dầu**

Thông tư số 76/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, ban hành ngày 14/8/2020 có hiệu lực thi hành ngày 30/9/2020 bổ sung quy định về hạch toán, quyết toán Quỹ Bình ổn giá tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 39/2014/TTLT-BCT-BTC.

Theo đó, các báo cáo về Quỹ bình ổn giá, sao kê về các giao dịch phát sinh liên quan đến tài khoản tiền gửi Quỹ bình ổn giá của thương nhân đầu mối được gửi tới Bộ Tài chính (Cục Quản lý Giá) và Bộ Công Thương (Vụ Thị trường trong nước) bằng một trong các phương thức sau:

- Gửi trực tiếp tại Văn phòng cơ quan tiếp nhận;
- Gửi qua dịch vụ bưu chính;
- Gửi qua Fax hoặc thư điện tử [bcxangdau@mof.gov.vn](mailto:bcxangdau@mof.gov.vn) (bản scan).

### **7. Không được gọi điện thoại quảng cáo trước 8 giờ sáng và sau 5 giờ chiều**

Nghị định số 91/2020/NĐ-CP quy định về chống tin nhắn rác, thư điện tử rác, cuộc gọi rác có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2020.

Theo đó, chỉ được gửi tin nhắn trong khoảng thời gian từ 07 giờ đến 22 giờ mỗi ngày, gọi điện thoại quảng cáo từ 08 giờ đến 17 giờ mỗi ngày trừ trường hợp đã có thỏa thuận khác với chủ thuê bao.

Tổ chức có hành vi gọi điện thoại quảng cáo ngoài khoảng thời gian từ 08 giờ đến 17 giờ mỗi ngày mà không có thỏa thuận khác với người sử dụng sẽ bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Trường hợp cá nhân có cùng hành vi vi phạm thì mức phạt tiền bằng 1/2 mức phạt tiền đối với tổ chức.

### **8. Thư viện đại học phải có không gian đọc ít nhất 200m<sup>2</sup>**

Nghị định số 93/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thư viện có hiệu lực thi hành từ ngày 05/10/2020.

Theo đó, cơ sở vật chất và tiện ích thư viện đại học phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Bảo đảm không gian đọc, bao gồm phòng đọc tổng hợp và phòng đọc khác dành cho người sử dụng thư viện ít nhất 200 m<sup>2</sup>;
- Được bố trí ở trung tâm của cơ sở giáo dục, thuận tiện cho người sử dụng, đặc biệt đối với người khuyết tật;
- Diện tích đủ để lưu trữ tài nguyên thông tin, khu vực phục vụ, khu làm việc cho người làm công tác thư viện và các nhu cầu xử lý nghiệp vụ khác;

- Bảo đảm cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, thiết bị kết nối mạng, thiết bị an ninh...đáp ứng yêu cầu hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của người làm công tác thư viện và phục vụ người sử dụng;

- Bảo đảm các thiết bị, phương tiện chuyên dụng bảo quản tài nguyên thông tin, an ninh, an toàn và phòng cháy, chữa cháy.

### **9. Người Việt Nam vào khu vực biên giới đất liền không mang theo CMND/CCCD/Hộ chiếu sẽ bị phạt**

Nghị định số 96/2020/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2020.

Theo đó, phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

- Công dân Việt Nam vào khu vực biên giới đất liền, vành đai biên giới không mang theo Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu;

- Tạm trú, lưu trú, đi lại trong khu vực biên giới đất liền không đúng quy định;

- Không thông báo, khai báo, đăng ký hoặc che giấu, giúp đỡ người khác đi lại, lưu trú, tạm trú trái phép trong khu vực biên giới đất liền.

### **10. Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.**

Theo đó, các hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định tại Nghị định này bao gồm: Hành vi vi phạm về hoạt động kinh doanh theo giấy phép kinh doanh, trừ trường hợp đã được quy định tại Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước khác; Hành vi kinh doanh dịch vụ thuộc ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh; sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng cấm; Hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu; hàng hóa lưu thông trong nước bị áp dụng biện pháp khẩn cấp; hàng hóa quá hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc, xuất xứ và có vi phạm khác; Hành vi vi phạm về kinh doanh thuốc lá; Hành vi vi phạm về kinh doanh rượu; Hành vi đầu cơ hàng hóa và găm hàng; Hành vi vi phạm về hoạt động xúc tiến thương mại; Hành vi vi phạm về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ liên quan đến xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Hành vi vi phạm về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Hành vi vi phạm về thương mại điện tử; Hành vi vi phạm về thành lập và hoạt động thương mại của thương nhân nước ngoài và người nước ngoài tại Việt Nam; Các hành vi vi phạm khác trong hoạt động thương mại.

Trong đó một số quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP (quy định từ Điều 63 đến Điều 66) như:



- Hành vi vi phạm về thiết lập website thương mại điện tử hoặc ứng dụng thương mại điện tử trên nền tảng di động.

Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

Không công bố đầy đủ hoặc công bố không chính xác trên website thương mại điện tử bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng thông tin về chủ sở hữu website hoặc ứng dụng bán hàng, thông tin hàng hóa, dịch vụ, thông tin về giá cả, thông tin vận chuyển và giao nhận, thông tin về điều kiện giao dịch chung, thông tin về các phương thức thanh toán theo quy định;

Nhận chuyển nhượng website thương mại điện tử bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng mà không làm thủ tục chuyển nhượng hoặc không tiến hành thông báo lại với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo logo “Đã thông báo” với Bộ Công Thương: Sử dụng biểu tượng đã thông báo để gắn lên website thương mại điện tử bán hàng hoặc ứng dụng bán hàng khi chưa được duyệt hoặc xác nhận thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

- Hành vi vi phạm về thông tin và giao dịch trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

Cung cấp thông tin, kinh doanh hoặc buôn bán hàng giả, hàng hóa, dịch vụ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh trên môi trường internet;

Không thực hiện đúng theo các điều khoản của hợp đồng đã giao kết hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng đã giao kết sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động theo quy định.

- Hành vi vi phạm về cung cấp dịch vụ thương mại điện tử:

Một số hành vi vi phạm về hoạt động đấu giá trực tuyến:

Mức phạt từ 1.000.000 đến 5.000.000 đồng đối với hành vi: Không cung cấp đầy đủ cho khách hàng thông tin về địa điểm và thời gian đấu giá, thông báo đấu giá hàng hóa, cách thức xác định người mua hàng, thông báo kết quả đấu giá trên website hoặc ứng dụng đấu giá trực tuyến theo quy định.

Mức phạt từ 5.000.000 đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Không thông báo kết quả đấu giá và gửi đến người bán hàng, người mua hàng và các bên có liên quan theo quy định; Không cung cấp cho người bán hàng thông tin về diễn biến cuộc đấu giá mà người bán hàng tổ chức khi có yêu cầu.

Nghị định còn quy định cụ thể mức phạt với một số hành vi vi phạm về cung cấp dịch vụ thương mại điện tử như:

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau: Đơn phương chấm dứt hợp đồng hoặc ngừng cung cấp dịch vụ trên website hoặc ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử mà không có cơ chế thông báo cho khách hàng sử dụng dịch vụ được biết hoặc không có lý do chính đáng; Không công bố quy chế hoặc công bố quy chế trên website khác với thông tin tại hồ sơ đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc ứng dụng dịch vụ thương mại điện tử đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác nhận; Thay đổi các nội dung của quy chế website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc ứng dụng dịch vụ thương mại điện tử mà không thông báo cho các chủ thể sử dụng dịch vụ trước khi áp dụng những thay đổi đó; Không có cơ chế kiểm tra, giám sát để đảm bảo việc cung cấp thông tin của người bán trên website thương mại điện tử hoặc ứng dụng di động được thực hiện chính xác, đầy đủ.

Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi: Tự ý thay đổi, xóa, hủy, sao chép, tiết lộ hoặc di chuyển trái phép thông tin thanh toán của khách hàng trên website hoặc ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc để thông tin thanh toán của khách hàng qua website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử hoặc ứng dụng thương mại điện tử bị chiếm đoạt gây thiệt hại cho khách hàng.

- Hành vi vi phạm về bảo vệ thông tin cá nhân trong hoạt động thương mại điện tử: Người sở hữu website thương mại điện tử mà website đó có chức năng thanh toán trực tuyến tuy nhiên không công bố trên website chính sách về bảo mật thông tin thanh toán cho khách hàng sẽ bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

#### **Lưu ý:**

Mức tiền phạt quy định tại Nghị định này là áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính do tổ chức thực hiện thì phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định đối với cá nhân. Ngoài việc bị phạt tiền, thì tùy nội dung từng hành vi có thể áp dụng tình tiết tăng nặng hoặc áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm; buộc thu hồi tên miền ".vn" hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm.

**11. Nghị định số 99/2020/NĐ-CP có hiệu lực từ 11/10/2020 và thay thế Nghị định số 67/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017** quy định chi tiết đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí

Theo đó, Nghị định số 99/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung 35 điều, khoản, trong đó tập trung vào quy định chi tiết các hành vi, nội dung mà trước đây còn quy định chung hoặc các hành vi đã có quy định trong các văn bản hướng dẫn chi tiết, nhưng chưa quy định chế tài xử lý, (Khoản 3, Điều 1; Điều 3; khoản 6, Điều 6; Điều 11; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 18; khoản 2, 3, 5, Điều 22; khoản 4, Điều 24; khoản 3, Điều 26; khoản 2, Điều 29; khoản 10, Điều 33; khoản 1, 5, 7, Điều 35; Điều 36; Điều 37; Điều 38; Điều 39; Điều 41; Điều 42;

Điều 43; Điều 44; Điều 45; Điều 46; Điều 47; Điều 49; Điều 51; Điều 54; khoản 7, Điều 57; khoản 4, Điều 61; khoản 4, Điều 62; khoản 1, Điều 63; khoản 3, Điều 64). Nghị định quy định đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí, tổ chức, cá nhân vi phạm phải chịu hình thức xử phạt chính là phạt tiền.

Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí là 1 tỷ đồng đối với cá nhân và 2 tỷ đồng đối với tổ chức.

Cụ thể, đối với hoạt động thăm dò dầu khí, Nghị định quy định phạt tiền từ 300 - 400 triệu đồng đối với hành vi khoan ra ngoài diện tích ghi trong hợp đồng dầu khí khi cơ quan có thẩm quyền chưa cho phép mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 1 tỷ đồng.

Phạt tiền từ 400-600 triệu đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí khi hợp đồng dầu khí hoặc chương trình công tác và ngân sách hàng năm chưa được các cấp có thẩm quyền phê duyệt mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 1 tỷ đồng.

Phạt tiền từ 600-800 triệu đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò dầu khí tại khu vực nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố cấm hoặc tạm thời cấm mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100 triệu đồng.

Nghị định quy định phạt tiền từ 1,8-2 tỷ đồng đối với hành vi xâm phạm vùng thuộc đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm nghiên cứu, tìm kiếm thăm dò dầu khí mà chưa phát sinh các nguồn lợi hoặc số tiền thu lợi bất hợp pháp dưới 100 triệu đồng.

Đối với những hành vi vi phạm quy định về hoạt động phát triển mỏ và khai thác dầu khí, Nghị định quy định phạt tiền từ 400-500 triệu đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau: Tiến hành hoạt động phát triển mỏ và khai thác dầu khí khi kế hoạch phát triển mỏ hoặc chương trình công tác và ngân sách hàng năm tương ứng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; khai thác dầu khí vượt ra ngoài diện tích ghi trong hợp đồng khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

Phạt tiền từ 500-600 triệu đồng đối với hành vi tiến hành hoạt động khai thác dầu khí tại khu vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tuyên bố cấm hoặc tạm thời cấm.

Đối với hành vi xâm phạm vùng thuộc đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm khai thác dầu khí bị phạt tiền từ 1,8-2 tỷ đồng.

**12. Nghị định số 117/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế được Chính phủ ban hành ngày 28/9/2020, có hiệu lực thi hành từ ngày 15/11/2020 (thay thế Nghị định 176).**

Nghị định đã quy định rất rõ vi phạm cũng như trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong phòng, chống tác hại của rượu, bia. Đặc biệt, tại điểm b, mục 2 Điều 30 của Nghị định quy định phạt từ 500.000 - 1.000.000 đồng với hành vi xúi giục, kích động lôi kéo, ép buộc người khác uống rượu bia.

Nghị định cũng quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức sẽ bị phạt tiền từ 3 - 5 triệu đồng khi không tổ chức thực hiện các biện pháp phòng, chống tác hại của rượu, bia trong cơ quan, tổ chức; không thực hiện quy định không uống rượu, bia trong thời gian làm việc, tại nơi làm việc của cơ quan, tổ chức; bị phạt tiền từ 3 - 5 triệu đồng khi không thực hiện các biện pháp phòng chống tác hại của rượu bia.

Lãnh đạo, người đứng đầu cơ quan, tổ chức không nhắc nhở, yêu cầu chấm dứt hành vi uống, bán rượu, bia trong địa điểm không uống, bán rượu, bia thuộc quyền quản lý, điều hành; không tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc mọi người trong cơ quan thực hiện đúng quy định về không được uống, bán rượu, bia tại địa điểm thuộc quyền quản lý, điều hành sẽ bị phạt tới 5 triệu đồng.

Ngoài ra, Nghị định mới được ban hành quy định rất rõ mức xử phạt đối với các quảng cáo rượu, bia vi phạm quy định. Những quảng cáo vi phạm sẽ bị phạt tiền từ 15 - 20 triệu đồng khi sử dụng người chưa 18 tuổi trực tiếp tham gia quảng cáo.

Cùng với đó, cũng sẽ phạt tiền từ 20 - 30 triệu đồng đối với một trong các hành vi quảng cáo rượu có nồng độ cồn dưới 15 độ và quảng cáo bia có thông tin, hình ảnh khuyến khích uống rượu, bia; thông tin có nội dung, hình ảnh thể hiện rượu, bia có tác dụng tạo sự trưởng thành, thành đạt, thân thiện, hấp dẫn về giới tính; hướng đến trẻ em, học sinh, sinh viên, thanh niên, phụ nữ mang thai.

Đáng lưu ý, tại điều 33, Nghị định số 117 quy định phạt tiền từ 20 - 30 triệu đồng đối với một trong các hành vi: quảng cáo rượu có độ cồn dưới 15 độ với các hình thông tin, nội dung hình ảnh thể hiện rượu, bia có tác dụng tạo sự trưởng thành, thành đạt, hấp dẫn về giới tính...; hoặc sử dụng những vật dụng, hình ảnh, biểu tượng âm nhạc trong phim, nhãn hiệu sản phẩm dành cho trẻ em, học sinh, sinh viên, sử dụng hình ảnh của người chưa đủ 18 tuổi để quảng cáo.

**13. Một số quy định khác (CBCCVC chủ động, cập nhật nghiên cứu)**

- Hướng dẫn xác định rủi ro được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp tại Thông tư số 09/2020/TT-BNNPTNT có hiệu lực từ ngày 28/9/2020.

- Điều kiện để thương nhân đề nghị được tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa ATIGA tại Thông tư số 19/2020/TT-BCT có hiệu lực từ ngày 27/9/2020.

- Thông tư số 03/2020/TT-BKHCN quy định ngưng hiệu lực thi hành Thông tư số 15/2019/TT-BKHCN ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Thép không gỉ” có hiệu lực thi hành ngày 23/9/2020./.